



CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG QUÁ TRÌNH THAM GIA GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, DANH DỰ, NHÂN PHẨM

Cao Thị Ngọc Hà¹

Tóm tắt: Trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, luật sư cần thực hiện các hoạt động bảo chữa để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ của mình. Cơ sở pháp lý để luật sư căn cứ vào đó nhằm thực hiện hoạt động bảo chữa của mình, đó chính là các quy định của pháp luật về quyền bảo chữa, quyền và nghĩa vụ pháp lý của luật sư, quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm... Bài viết dưới đây sẽ làm rõ các cơ sở pháp lý cụ thể dưới góc độ luật tố tụng hình sự và luật hình sự.

Từ khóa: Cơ sở pháp lý, hoạt động bảo chữa, bảo vệ quyền lợi, vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

Nhận bài: 10/5/2021; Hoàn thành biên tập: 14/6/2021; Duyệt đăng: 17/6/2021.

Abstract: In the process of participating in the settlement of cases infringing on life, health, honor and dignity, attorneys should take advocacy activities to protect interests of their clients. The legal basis for a lawyer to base on that to perform his defense activities are the provisions of the law on the right to defense, the legal rights and obligations of the lawyer, the provisions on crimes of infringing on life, health, honor and dignity... The below article will clarify specific legal bases from the perspective of criminal procedure law and criminal law.

Keywords: Legal bases, activities of defense, protection of interests, cases of infringing on life, health, honor and dignity.

Date of receipt: 10/5/2021; Date of revision: 14/6/2021; Date of approval: 17/6/2021.

Hoạt động bảo chữa của luật sư trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm có cơ sở pháp lý từ góc độ luật tố tụng hình sự, luật hình sự và các văn bản pháp luật khác như Luật luật sư, Thông tư liên tịch về việc phối hợp giữa Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm... Dưới góc độ một bài viết tạp chí, chúng tôi chỉ phân tích cơ sở pháp lý nêu trên dưới góc độ của Luật tố tụng hình sự và Luật hình sự.

1. Cơ sở pháp lý của hoạt động bảo chữa của luật sư trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nhìn từ góc độ tố tụng hình sự

Trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, luật sư cần thực hiện nhiều hoạt động bảo chữa khác nhau nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Cơ sở pháp lý để luật sư thực hiện các hoạt động bảo chữa nhìn từ góc độ tố tụng hình sự chính là các quy định về quyền tự bào chữa và nhờ người bào chữa của người bị buộc tội, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, quyền và nghĩa vụ pháp lý của luật sư... Vấn đề bảo vệ quyền của người bị buộc tội có quan hệ chặt chẽ với việc quy định và thực hiện quyền bào chữa của họ. Tuy nhiên, việc pháp luật tố tụng hình sự quy định những người này có quyền bào chữa chưa phải là điều kiện

¹ Tiến sỹ, Giảng viên, Khoa Đào tạo Luật sư, Học viện Tư pháp.

đủ để họ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách có hiệu quả. Do đó, pháp luật đã quy định những bảo đảm tương ứng sao cho người bị buộc tội được tự do thực hiện những gì pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền lợi của mình, đồng thời góp phần làm sáng tỏ sự thật của vụ án. Nếu thiếu sự đảm bảo này thì không thể thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là nguyên tắc hiến định được cụ thể hoá trong luật tố tụng hình sự. Nguyên tắc này được thể hiện trong các điều luật quy định về người bào chữa và các điều luật khác của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) góp phần điều chỉnh việc giải quyết vụ án trong các giai đoạn khác nhau của tố tụng hình sự. Phù hợp với những quy định này, BLTTHS quy định các quyền tố tụng của người bị buộc tội và khả năng sử dụng các quyền đó để đưa ra các lý lẽ, chứng cứ bào chữa cho mình. Đây cũng là một trong những nguyên tắc quan trọng trong hệ thống các nguyên tắc tố tụng hình sự. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền thì điều không thể thiếu là việc bảo vệ lợi ích hợp pháp, danh dự, nhân phẩm của con người. Vì vậy, người đã thực hiện hành vi phạm tội và bị truy cứu trách nhiệm hình sự vẫn được sử dụng các quyền do pháp luật quy định để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

Quyền bào chữa của người bị buộc tội được ghi nhận, phát triển trên cơ sở những quy định của Hiến pháp, gắn với quá trình lập hiến, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức Cơ quan điều tra, truy tố, xét xử nhằm không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền dân chủ của công dân. Quyền này cũng được ghi nhận một cách nhất quán, bao gồm: quyền tự bào chữa và quyền nhờ người bào chữa. Như vậy, quyền bào chữa được thể hiện dưới hai hình thức: bào chữa do chính người bị buộc tội tự thực hiện và bào chữa thông qua sự giúp đỡ của người bào chữa. Hai hình thức này có thể tiến hành song song hoặc chỉ một hình thức tùy vào người bị buộc tội trong từng trường hợp cụ thể. Quyền tự bào

chữa và quyền nhờ người bào chữa có tác dụng bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Điều đó có nghĩa khi người bị buộc tội nhờ người khác bào chữa cho mình thì họ vẫn có quyền tự bào chữa.

- Hình thức tự bào chữa.

Tự bào chữa là một trong những hình thức để người bị buộc tội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Đó là quyền năng tố tụng đặc thù của người bị buộc tội được pháp luật ghi nhận và bảo đảm cho phép họ tự mình thực hiện các hành vi tố tụng và biện pháp bào chữa theo quy định của pháp luật nhằm minh oan, bác bỏ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho mình. Tự bào chữa xuất hiện sớm, ở mọi thời điểm của các giai đoạn tố tụng hình sự, đối với tất cả các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự. Tham gia tố tụng hình sự, người bị buộc tội có những quyền năng tố tụng nhất định để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, trong đó có quyền tự bào chữa.

Để thực hiện quyền tự bào chữa, bảo vệ mình trước sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, BLTTHS quy định cho người bị buộc tội các quyền cụ thể để họ chống lại việc buộc tội. BLTTHS quy định người bị buộc tội được quyền biết mình bị khởi tố về tội gì; được nhận quyết định khởi tố, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn... Như vậy, người bị buộc tội có thể sử dụng các quyền năng nêu trên để có thể tự bào chữa, tự biện hộ cho mình, nhằm chống lại sự buộc tội. Để bảo đảm quyền tự bào chữa của người bị buộc tội, đòi hỏi Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm giải thích cho họ biết các quyền mà họ có theo quy định của BLTTHS và tạo mọi điều kiện để họ có thể sử dụng các quyền nêu trên. Nếu các cơ quan tiến hành tố tụng không đảm bảo cho người bị buộc tội thực hiện quyền tự bào chữa có nghĩa là vi phạm quy định của pháp luật tố tụng hình sự và có thể dẫn đến việc phải điều tra lại hoặc xét xử lại để khắc phục các vi phạm đã xảy ra.

- Hình thức nhờ người bào chữa và bào chữa theo chỉ định.



Nhờ người bào chữa.

Như đã phân tích ở trên, người bị buộc tội có quyền tự bào chữa cho mình thông qua một loạt các quyền năng mà BLTTHS quy định. Tuy nhiên, trên thực tế, vì những lý do khách quan và chủ quan khác nhau mà người bị buộc tội thường không thể vận dụng có hiệu quả quyền tự bào chữa. Với tư cách là người bị điều tra, truy tố, xét xử, người bị buộc tội dễ rơi vào trạng thái tâm lý căng thẳng, dồn ép, không nhận thức hết những tình tiết buộc tội, những tình tiết gỡ tội hoặc những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xác định trách nhiệm hình sự của mình nên họ khó có khả năng thực hiện quyền tự bào chữa. Hoặc trong trường hợp họ tự bào chữa thì chất lượng không cao do sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bởi họ là người không có kinh nghiệm, kiến thức pháp lý cần thiết để thực hiện quyền tự bào chữa, trong khi đó chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự thuộc về người thực hành quyền công tố (kiểm sát viên) - những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đảm nhiệm. Chính vì vậy, nhu cầu quyền bào chữa được thực hiện bởi người khác, những người có vị trí tách biệt, độc lập với Toà án và Viện kiểm sát, những người chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật như luật sư, luật gia... đã nảy sinh như một yêu cầu khách quan của thực tiễn. Do đó, pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) quy định: ngoài quyền tự bào chữa, người bị buộc tội còn có quyền nhờ người bào chữa.

Quyền nhờ người bào chữa của người bị buộc tội là cơ chế để thực hiện chức năng bào chữa và là một đảm bảo quan trọng để người bị buộc tội thực hiện các quyền tố tụng khác mà pháp luật quy định để bào chữa trước sự buộc tội của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong quá trình tố tụng hình sự, người bào chữa được pháp luật quy định cho các quyền cụ thể để thực hiện chức năng bào chữa của mình giúp đỡ pháp lý cho người bị buộc tội. Điều đó góp phần vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án

một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Quyền nhờ người bào chữa là hình thức giúp đỡ pháp lý của người bào chữa theo quy định của pháp luật TTHS nhằm hỗ trợ cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa của mình khi họ không đủ điều kiện tự mình thực hiện hoặc trong trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có người bào chữa nhằm đảm bảo tính khách quan và tính hợp pháp của các hoạt động tố tụng hình sự (bào chữa theo chỉ định). Như vậy, mối quan hệ pháp lý giữa người bào chữa và người bị buộc tội chỉ được xác lập trong hai trường hợp sau đây: (1) Trường hợp người bào chữa được mời tham gia bào chữa: Bị can, bị cáo được tại ngoại trực tiếp mời luật sư bào chữa cho họ; người thân thích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo bị tạm giam trực tiếp mời luật sư; đại diện hợp pháp của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần trực tiếp mời luật sư và được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận. (2) Bào chữa theo chỉ định.

Bào chữa theo chỉ định.

Đó là trường hợp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người bào chữa được cử bào chữa cho người bị buộc tội và được những người này đồng ý. Thực tế có trường hợp người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ, trong các trường hợp như: người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi... Ngoài trường hợp người bào chữa (NBC) được mời, đối với những trường hợp pháp luật quy định sự tham gia bắt buộc của NBC thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án cần xác định xem bị can, bị cáo đã mời NBC chưa. Nếu chưa mời thì cần đảm bảo sự có mặt của NBC, đối với trường hợp NBC là luật sư thì Cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) yêu cầu Đoàn Luật sư phân công

văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ. Trong các trường hợp nói trên, nếu người bị buộc tội, bị can, bị cáo hoặc người đại diện, người thân thích của họ không nhờ người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu hoặc đề nghị Đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ, hoặc đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của mặt trận tổ quốc Việt Nam cử người bào chữa cho thành viên tổ chức mình. Đối với người thuộc diện được trợ giúp pháp lý thì Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Việc tiến hành tố tụng trong các trường hợp nêu trên mà không có người bào chữa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự.

Trên thực tế, cơ quan tiến hành tố tụng không có quyền yêu cầu NBC khác thay thế NBC mà bị can, bị cáo đã mời hoặc NBC đã được cử và được bị can, bị cáo chấp thuận. Trong cả hai trường hợp nêu trên, ý chí của người bị buộc tội và người đại diện hợp pháp (trường hợp người bị buộc tội là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất) là yếu tố quyết định có hay không có sự tham gia của người bào chữa trong tố tụng hình sự. Mục đích của người bào chữa khi tham gia tố tụng là bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội khỏi sự vi phạm có thể có từ phía những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng khác. Vì vậy, xuất phát từ ý thức chủ quan của mình, người bị buộc tội có thể từ chối người bào chữa trong bất kỳ giai đoạn tố tụng nào nếu thấy sự tham gia của người bào chữa không giúp họ bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đó chính là quyền tự do lựa chọn người bào chữa của người bị buộc tội. Có thể thấy, ý chí của người bị buộc tội khi lựa chọn người bào chữa là yếu tố quyết định. Nếu người bị buộc tội không đồng ý thì kể cả trường hợp CQTHTT chỉ định người bào chữa, người bị buộc tội vẫn có quyền tự chối hoặc thay đổi người bào chữa.

Bên cạnh hình thức bào chữa theo chỉ định

nêu trên, trong thực tế còn xuất hiện trường hợp bào chữa tự nguyện (bào chữa không lấy phí). Lý do để người bào chữa tham gia bào chữa miễn phí cho người bị buộc tội rất nhiều, có thể xuất phát từ lòng thương cảm đối với người bị buộc tội hoặc đó là các vụ án được dư luận xã hội quan tâm, nếu người bào chữa tham gia thì có thể nâng cao được uy tín cũng như danh tiếng của mình...

Ở Việt Nam, theo quy định của pháp luật, đặc biệt từ khi ban hành Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015, luật sư bào chữa được tham gia tố tụng từ rất sớm, ngay từ thời điểm có quyết định tạm giữ hay người bị bắt có mặt tại trụ sở cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ thời điểm khởi tố bị can. Để tạo điều kiện cho luật sư thực hiện hoạt động bào chữa, pháp luật quy định cho họ có những quyền và nghĩa vụ tố tụng nhất định. Tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng hình sự, quyền và nghĩa vụ tố tụng của luật sư bào chữa được quy định khác nhau. Hoạt động bào chữa của luật sư có vai trò rất quan trọng và không thể thiếu trong tố tụng hình sự. Hoạt động đó được thực hiện xuyên suốt trong cả quá trình tố tụng hình sự mà không chỉ đơn thuần giới hạn ở việc bào chữa tại phiên tòa. Có thể khẳng định rằng, nếu không có hoạt động bào chữa của luật sư thì việc tranh tụng không thể thực hiện đúng nghĩa. Như vậy, theo nguyên tắc tranh tụng, tòa án tạo điều kiện để hoạt động bào chữa của luật sư được thực hiện độc lập đúng nghĩa. Họ được chủ động tiến hành việc thu thập chứng cứ theo thủ tục do pháp luật quy định, đưa ra chứng cứ hợp pháp để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ và các hoạt động khác nhằm phục vụ tốt nhất cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội.

Cùng với các quy định về nguyên tắc và thủ tục để bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, BLTTHS còn có các quy định làm nền tảng cho luật sư thực hiện hoạt động bào chữa. Trong đó, các quy định về bào chữa nói chung và quyền, nghĩa vụ của người bào chữa nói



riêng là căn cứ pháp lý quan trọng để luật sư thực hiện hoạt động bào chữa. Ví dụ: BLTTHS năm 2015 quy định về bào chữa tại chương V, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa tại Điều 73. Quyền của người bào chữa nói chung, của luật sư nói riêng được quy định cụ thể trong BLTTHS. Những quy định này được hình thành từ các nguyên tắc hiến định và là yếu tố cấu thành nên chế định người bào chữa trong tố tụng hình sự. BLTTHS của nhiều quốc gia thường quy định các quyền của luật sư như: tham gia tố tụng ngay từ khi người bị buộc tội bị bắt có mặt tại trụ sở của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi khởi tố bị can; quyền gặp, hỏi người bị buộc tội, có mặt khi lấy lời khai người bị buộc tội, khi hỏi cung bị và có mặt trong những hoạt động điều tra khác; quyền “xem các biên bản về hoạt động tố tụng... liên quan đến người mà mình bào chữa”; quyền được báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác; quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch...; quyền thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền gặp người bị buộc tội đang bị tạm giam; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật; tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Cùng với quy định về các quyền cơ bản của người bào chữa nêu trên, tùy thuộc vào quy định trong BLTTHS của mỗi quốc gia, luật sư còn có thể có thêm các quyền khác. Ví dụ: Theo quy định của BLTTHS năm 2015, luật sư có quyền được nhận bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra; được thông báo về việc ra quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát; có thể gửi trước bản bào chữa cho Tòa án. Ngoài các hoạt động bào chữa được thực hiện trên cơ sở các quyền nêu trên, BLTTHS nhiều nước còn cho phép luật sư tiến hành hoạt động khiếu nại quyết định hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm

quyền tiến hành tố tụng. Như vậy, người bị buộc tội là người được pháp luật ghi nhận có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa và quyền của người bào chữa nói chung, luật sư nói riêng bắt nguồn từ quyền bào chữa của người bị buộc tội. Việc thực hiện hoạt động bào chữa trên cơ sở quy định về quyền của người bào chữa của luật sư sẽ góp phần cùng cơ quan tư pháp nhanh chóng tìm ra sự thật vụ án, nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Cùng với các quyền được pháp luật ghi nhận, luật sư còn có những nghĩa vụ nhất định. Khi tham gia tố tụng hình sự, trong phạm vi được pháp luật quy định, luật sư có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các hành vi tố tụng khác nhau nhằm bào chữa cho người bị buộc tội một cách hiệu quả như: không được từ chối bào chữa nếu không có lý do chính đáng, trường hợp có lý do chính đáng để không nhận bào chữa, luật sư phải thông báo cho người bị buộc tội biết và nêu rõ lý do để họ có kế hoạch thực hiện quyền bào chữa của mình một cách kịp thời; sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ các tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của người bị buộc tội; giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; không được từ chối bào chữa cho người bị buộc tội mà mình đã đảm nhận bào chữa nếu không có lý do chính đáng...

Về góc độ tố tụng hình sự, các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người có một số đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, theo Điều 155 BLTTHS năm 2015, có một số vụ án chỉ được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc đã chết. Trong đó, phần lớn là các vụ án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Đó là các tội phạm được quy định tại Khoản 1 các Điều 134, 153, 136, 138, 139, 141,

143, 155, 156 BLHS năm 2015;

Thứ hai, bên cạnh những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự nói chung được quy định tại Điều 85 BLTTHS năm 2015 thì trong các vụ án này có những vấn đề có tính chất đặc thù bắt buộc phải chứng minh, như: nguyên nhân chết người; Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe. Theo quy định của BLTTHS thì những vấn đề này bắt buộc phải chứng minh bằng biện pháp như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, giám định. Ngoài ra, do tính chất phức tạp của nhóm tội nên trong thực tế các cơ quan tố tụng thường áp dụng nhiều biện pháp điều tra khác để xác định các tình tiết của vụ án, như: đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra... Có những vụ án phức tạp nên cơ quan tố tụng còn phải thực hiện đi thực hiện lại một biện pháp điều tra như tổ chức thực nghiệm điều tra nhiều lần, đã giám định nhưng phải trưng cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung, đã khám nghiệm tử thi nhưng lại phải khai quật tử thi để tiếp tục khám nghiệm...

Tính chất phức tạp của các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người cũng cho thấy để có thể làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án cần phải vận dụng tri thức khoa học thuộc nhiều lĩnh vực, như: y học, sinh học, hóa học, vật lý học, tâm lý học, khoa học về dấu vết, khoa học về vũ khí... Điều đó đòi hỏi những người tiến hành cũng như tham gia giải quyết vụ án - trong đó có Luật sư - cần phải có những tri thức và sự am hiểu nhất định về các lĩnh vực này. Đây thực sự là một khó khăn vì khả năng nhận thức có hạn của mỗi con người trước những tri thức sâu rộng của khoa học và đời sống, mà việc hiểu biết cần phải có quá trình cũng như cần phải có trình độ và sự chuyên môn hóa cao.

Thứ ba, vấn đề trách nhiệm dân sự của người phạm tội cũng là một trong những vấn đề cần phải được hết sức lưu ý. Theo quy định của BLDS năm 2015 thì người có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác thì phải bồi thường cho người bị gây thiệt hại. Mặc dù nguyên tắc

và các khoản thiệt hại phải bồi thường được quy định khá cụ thể trong BLDS năm 2015 nhưng trên thực tế đây là vấn đề rất phức tạp, việc giải quyết gặp nhiều khó khăn do tính chất đa dạng và phức tạp của từng trường hợp phạm tội. Trên thực tế, rất nhiều vụ án trở nên “nóng”, làm vụ án khó giải quyết do sự căng thẳng giữa người phạm tội và phía bị hại liên quan đến trách nhiệm bồi thường.

2. Cơ sở pháp lý của hoạt động bào chữa của luật sư trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nhìn từ góc độ hình sự

Trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm luật sư cần thực hiện các hoạt động bào chữa để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ của mình. Một trong những cơ sở pháp lý để luật sư căn cứ vào đó nhằm thực hiện hoạt động bào chữa của mình, đó chính là các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Quyền được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự là một trong những quyền cơ bản nhất, quan trọng nhất của quyền con người, là một tiêu chí quan trọng để xác định tình trạng nhân quyền ở mỗi quốc gia, cũng như xác định mức độ tiến bộ xã hội và tính nhân văn, tính hoàn thiện của hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự. Trong hệ thống các tội phạm được quy định trong pháp luật hình sự ở hầu hết các quốc gia trên thế giới thì các tội xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người luôn được xác định là loại tội phạm có tính nguy hiểm cao và bị trừng phạt rất nghiêm khắc.

Pháp luật hình sự Việt Nam từ trước đến nay cũng luôn xác định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người là nhóm tội có tính nguy hiểm cao cho xã hội. Trong BLHS năm 2015 các tội phạm này được quy định tại Chương XIX (chỉ sau Chương XIII quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia), bao gồm từ Điều 123 đến Điều



156. Trên cơ sở sự kế thừa các quy định của BLHS năm 1999, Chương XIV của BLHS năm 2015 có một số sửa đổi, bổ sung quan trọng. Những sửa đổi, bổ sung này là nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ bảo đảm thực thi hơn nữa quyền con người trong thực tế được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013; đồng thời để đáp ứng yêu cầu về phòng và đấu tranh chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Ví dụ: Bổ sung một số tội phạm mới: Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); Bổ sung một số hành vi phạm tội mới trong một số tội phạm, như: bổ sung hành vi “*quan hệ tình dục khác*” trong các tội như Tội hiếp dâm (Điều 141), Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), Tội cưỡng dâm (Điều 143), Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi (Điều 145), Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146); bổ sung hành vi “*vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội*” trong Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126)...

Một trong những vấn đề rất quan trọng đối với luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự là phải nắm được những đặc điểm riêng biệt của từng loại vụ án, để từ đó có những kỹ năng bào chữa hoặc kỹ năng bảo vệ phù hợp và đạt hiệu quả. Những đặc điểm riêng biệt của vụ án được xem xét trên nhiều góc độ, như về pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tâm lý học, tội phạm học... Trước hết, xét về góc độ pháp lý hình sự thì nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người có một số đặc điểm cần lưu ý sau đây: Đối tượng tác động của các tội phạm này - hay còn gọi là nạn nhân - là con người, đã được sinh ra và còn sống. Tuy nhiên, trong một số tội phạm còn đòi hỏi nạn nhân phải có những đặc điểm riêng biệt, được

quy định là yếu tố bắt buộc để định tội (hoặc để định khung hình phạt). Ví dụ: nạn nhân phải có độ tuổi nhất định, như “*trong 07 ngày tuổi*”, “*từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi*”, “*dưới 16 tuổi*”, “*dưới 01 tuổi*” được quy định là tình tiết định tội trong các tội phạm quy định tại các Điều 124, Điều 144, Điều 145, Điều 152, Điều 156; giữa nạn nhân và người phạm tội phải có mối quan hệ “*lệ thuộc*”, được quy định là tình tiết định tội trong các tội quy định tại các Điều 130, Điều 131; các đặc tính khác như nạn nhân như là “*phụ nữ có thai*” hoặc người “*già yếu, ốm đau*”, “*không có khả năng tự vệ*”... được quy định là tình tiết định tội của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134) trong trường hợp chỉ gây tỉ lệ tổn thương cơ thể dưới 11%. Hậu quả của các tội phạm là những thiệt hại về thể chất hoặc về tinh thần. Bên cạnh những tội phạm trong cấu thành cơ bản có quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc thì có những tội phạm không quy định dấu hiệu này. Tuy nhiên, trong tất cả các tội phạm thì hậu quả đều được quy định là tình tiết để định khung hình phạt. Vì thế, để giải quyết vụ án một cách đúng đắn, đầy đủ và toàn diện thì việc xác định hậu quả là mang tính bắt buộc. Theo quy định của BLTTHS thì việc xác định hậu quả phải được thực hiện bằng những biện pháp nhất định và theo đúng quy trình tố tụng, tuy nhiên thực tiễn cho thấy do nhiều nguyên nhân mà việc xác định này thường gặp không ít khó khăn và dễ xảy ra sai sót.

Việc định tội danh đối với nhóm tội phạm này trong thực tiễn cũng gặp không ít khó khăn và hay xảy ra sai sót. Có những trường hợp phạm tội tuy khác nhau nhưng có cùng một dạng hành vi, cùng gây ra một dạng hậu quả nhưng ý thức chủ quan khác nhau nên việc phân biệt là rất khó. Ví dụ: Trường hợp giết người đã hoàn thành (nạn nhân đã chết) và trường hợp cố ý gây thương tích dẫn đến chết người; Trường hợp giết người với lỗi cố ý gián tiếp và trường hợp vô ý làm chết người; Trường hợp hiếp dâm chưa đạt (chưa thực hiện được hành vi giao cấu với nạn nhân) và trường hợp dâm ô...

Hoặc có những tình tiết định tội ở một số tội phạm chỉ có thể xác định dựa trên sự đánh giá từ nhiều yếu tố nên cũng dễ xảy ra sai sót như tình tiết “*tinh thần bị kích động mạnh*” tại các Điều 125 và Điều 135 BLHS hoặc tình tiết “*vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*”, “*vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội*” quy định tại Điều 126 BLHS.

Một trong những đặc điểm nổi bật khác trong các vụ án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người là về khía cạnh tội phạm học và tâm lý học. Do tính chất nghiêm trọng của nhóm tội này nên các vụ án thường nhận được sự quan tâm rất lớn của dư luận xã hội, trong đó có các phương tiện thông tin đại chúng. Trong thực tế có nhiều vụ án gây ra cái chết của một người hoặc nhiều người, được thực hiện với thủ đoạn dã man, tàn bạo, với động cơ xấu xa, đê hèn; Hay những vụ án xâm hại tình dục, đặc biệt làm xâm hại tình dục trẻ em... đã gây sự căm phẫn không chỉ từ phía người bị hại mà của cả xã hội. Sự căm phẫn và sự quan tâm của xã hội đã tạo áp lực không nhỏ đến quá trình giải quyết vụ án, trong đó với vai trò là người bào chữa cho người phạm tội thì áp lực mà luật sư phải chịu là rất lớn.

Người phạm tội của nhóm tội phạm này có những đặc điểm nhân thân đa dạng và có tâm lý rất phức tạp. Xét về đặc điểm nhân thân cho thấy đa số người phạm tội là nam giới, còn trẻ, có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh sống phức tạp, thường không nhận được sự quan tâm, giáo dục đầy đủ hoặc đúng phương pháp từ gia đình, cộng đồng... nhiều trường hợp là người đã có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, người phạm tội thường có trạng thái tâm lý vô cùng sợ hãi, thậm chí bị khủng hoảng do lo sợ bị pháp luật trừng phạt với hình phạt nghiêm khắc hoặc sợ bị phía người bị hại trả thù, sợ bị “*quá báo*”... Tuy nhiên, ngược lại có người lại có thái độ chai lì, không hối lỗi, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng sức khỏe người khác, sẵn sàng chấp nhận sự trừng phạt... Thái độ tâm lý này có nhiều nguyên

nhân, có thể do đặc thù về tâm sinh lý giới tính, hoặc do trình độ nhận thức hạn chế hay do hoàn cảnh, môi trường chăm sóc, giáo dục tạo nên. Trong đó, không thể không kể đến sự đa dạng trong động cơ phạm tội, nguyên nhân phạm tội, có nhiều trường hợp người phạm tội cho rằng việc họ phạm tội là cần thiết, bản thân họ không có lỗi mà chính nạn nhân mới là người có lỗi. Mặc dù có sự khác nhau nhưng các trạng thái tâm lý này đều ảnh hưởng xấu đến trách nhiệm hình sự của người phạm tội, đồng thời gây khó khăn cho hoạt động bào chữa của luật sư.

Do tính chất của nhóm tội phạm này nên bị hại (hoặc người thân thích của bị hại) có vị trí tổ tụng quan trọng trong vụ án và cũng có diễn biến tâm lý khá phức tạp. Bị hại là người bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến tính mạng hoặc đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự - là những lợi ích quan trọng nhất của con người; Trong nhiều trường hợp thiệt hại đó là không thể bù đắp hoặc ảnh hưởng xấu đến cả thể chất và tinh thần suốt cả cuộc đời. Vì vậy, đa số bị hại hoặc người thân của bị hại có thái độ bức xúc, căm phẫn với người phạm tội. Thái độ tâm lý này của bị hại hoặc người thân của bị hại đã ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan trong lời khai và các chứng cứ mà họ cung cấp, từ đó có thể có ảnh hưởng đến việc giải quyết đúng đắn vụ án. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp do thái độ ănnăn, hối lỗi cũng như sự tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả của phía người phạm tội mà phía bị hại đã có thái độ tha thứ, bỏ qua cho người phạm tội. Đây là vấn đề mà người phạm tội và luật sư là người bào chữa cho người phạm tội cần hết sức quan tâm, vì thái độ này của bị hại có thể dẫn đến việc vụ án sẽ không bị khởi tố hoặc được đình chỉ do bị hại không yêu cầu hoặc rút yêu cầu khởi tố theo quy định tại Điều 155 của BLTTHS; hoặc nếu không thuộc trường hợp này thì sự tha thứ, thể hiện bằng sự “*bãi nại*” của phía bị hại cũng được coi là một tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng cho người phạm tội./.